TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HỒNG BÀNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/HS-ST
Ngày 25-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Mười

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn

Bà Nguyễn Thị Minh Phương

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đức Trung - Thư ký Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 81/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

TVT, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1998 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Số 14Đ24 phường A, quận B, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông C và bà D; có vợ là E, sinh năm 2000, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Bị hại:

- Anh BH1, sinh năm 1999; nơi cư trú: Số 3/6 đường F, phường G, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Anh BH2, sinh năm 2000; nơi cư trú: Số 84 đường I, phường J, quận B, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Anh BH3, sinh năm 1990; nơi cư trú: thôn 3, xã K, huyện L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh NLQ1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số 73 đường M, phường N, quận O, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Anh NLQ2, sinh năm 1998; nơi cư trú: Số P đường Q, phường R, quận S, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

TVT tham gia nghĩa vụ Công an nhân dân, sau khi kết thúc huấn luyện được phân về Công an quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng và công tác tại Đội Cảnh sát thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp (Đội CSTHAHS và HTTP). Từ tháng 9/2022 đến tháng 02/2023 TVT được điều động đến công tác tại Đội cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ (Đội PCCC & CNCH). Sau khi hoàn thành nghĩa vụ Công an nhân dân, TVT xuất ngũ về địa phương kể từ ngày 01/3/2023.

Ngày 03/3/2023 TVT đi đến Đội CSTHAHS và HTTP Công an quận Hồng Bàng; địa chỉ: Số 55 đường Bến Bính, phường G, quận H, thành phố Hải Phòng chơi. Tại khu vực phòng nghỉ của cán bộ chiến sĩ Đội CSTHAHS và HTTP Công an quận Hồng Bàng, TVT nhìn thấy anh BH1, sinh năm 1999; nơi cư trú: Số 3/6 đường F, phường G, quận H, thành phố Hải Phòng, chiến sỹ nghĩa vụ Công an quận Hồng Bàng đang ngủ đồng thời anh BH1 đang sạc pin 01 điện thoại di động Iphone 12 Pro màu đen ở vị trí đầu giường ngủ. TVT đã nảy sinh ý định lấy trộm chiếc điện thoại trên. TVT lấy điện thoại của anh BH1 cho vào túi quần rồi đi ra khỏi trụ sở Công an quận Hồng Bàng để về trụ sở Đội PCCC & CNCH Công an quận Hồng Bàng (ở phường Sở Dầu). Tại đây TVT ngủ lại và cất điện thoại trong balô cá nhân.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 04/03/2023, TVT tiếp tục quay lại Đội CSTHAHS và HTTP chơi thì thấy anh BH2, sinh năm 2000; nơi cư trú: Số 84 đường I, phường J, quận B, thành phố Hải Phòng đang ngủ và để 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax sạc ở đầu giường. Thấy vậy TVT lấy điện thoại của anh BH2 cho vào túi quần rồi bỏ đi cắt tóc đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì quay lại Đội PCCC & CNCH chơi và cất điện thoại của BH2 vào trong balo cùng với điện thoại của BH1. Do trước đây TVT đã từng ở cùng với anh BH2 nên TVT biết mật khẩu điện thoại của anh BH2. TVT đã mở ra kiểm tra thì thấy mật khẩu tài khoản ngân hàng của BH2. TVT đăng nhập vào tài khoản ngân hàng của BH2 và chuyển khoản số tiền 3.000.000 (*Ba triệu)* đồng từ tài khoản của anh BH2 đến tài khoản của bạn TVT là anh NLQ2, sinh năm 1998; nơi cư trú: Số P đường Q, phường R, quận S, thành phố Hà Nội). Sau đó TVT nhờ anh NLQ2 chuyển lại số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) vào tài khoản của TVT.

Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 10/03/2023, do đi chơi về muộn nên TVT không về nhà mà đến trụ sở Đội PCCC & CNCH Công an quận Hồng Bàng để ngủ. Khi vào phòng nghỉ của cán bộ chiến sĩ, TVT thấy 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Promax 256 GB màu đen của anh BH3, sinh năm 1990; nơi cư trú: thôn 3, xã K, huyện L, thành phố Hải Phòng, hiện là cán bộ Đội PCCC và CNCH Công an quận Hồng Bàng đang cắm sạc ở trên bàn cạnh giường ngủ. Thấy điện thoại không có mật khẩu, trong phòng mọi người đã ngủ hết nên TVT đã lấy chiếc điện thoại trên cho vào túi quần rồi bỏ đi. Sáng cùng ngày 10/03/2023, TVT mở điện thoại của anh BH3, xóa hết dữ liệu và đem điện thoại đi bán tại cửa hàng điện thoại Phúc Mobile (địa chỉ số 73 đường M, phường N, quận O, Hải Phòng, do anh NLQ1 làm chủ) được 8.000.000 đồng. Số tiền trên TVT chi tiêu cá nhân hết.

Đến ngày 12/03/2023, do lo sợ hành vi vi phạm của mình bị phát hiện nên TVT đã kể lại cho mẹ là bà D toàn bộ việc trộm cắp tài sản. Sau đó TVT cùng gia đình đã trả lại điện thoại cho các bị hại.

Ngày 17/03/2023 anh BH3 trình báo sự việc và nộp cho Cơ quan Công an 01 điện thoại Iphone 11 Promax 256 GB màu đen. Ngày 20/03/2023, anh BH2 có đơn trình báo; anh BH1 có đơn trình báo và nộp cho Cơ quan điều tra chiếc điện thoại Iphone 12 Pro màu đen.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐGTS ngày 19/04/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Hồng Bàng kết luận: *"01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Promax 256GB trị giá 9.150.000 đồng; 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax trị giá 17.090.000 đồng; 01 điện thoại di động Iphone 12 Pro trị giá 13.090.000 đồng. Tổng cộng 39.330.000"* đồng.

Ngày 20/03/2023, Cơ quan Công an triệu tập TVT lên làm việc, TVT đã khai nhận hành vi trộm cắp điện thoại của các anh BH3, anh BH1 và anh BH2 như nội dung đã nêu ở trên.

Lời khai của TVT phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của bà D, Kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

***Vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự*:**

- Đối với chiếc điện thoại di động Iphone 12 Pro màu đen của anh BH1 và chiếc điện thoại Iphone 11 Promax 256GB của anh BH3 đã được trả lại cho các bị hại;

- Anh BH2 yêu cầu bồi thường số tiền 17.000.000 đồng (do chiếc điện thoại Iphone 12 Promax bị hư hỏng) và số tiền 3.000.000 đồng TVT chiếm đoạt trong tài khoản ngân hàng của anh BH2, hiện TVT đã bồi thường xong các khoản tiền trên;

- TVT đã trả lại cho anh NLQ1 số tiền 8.000.000 đồng. Ngoài các nội dung trên, các bị hại và anh NLQ1 không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự đối với TVT.

Tại Cáo trạng số 91/CT-VKSHB ngày 08/9/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo TVT về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo TVT đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung trên, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của bà D, Kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị hại anh BH1, anh BH2, anh BH3; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh NLQ1, anh NLQ2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tại giai đoạn điều tra, truy tố các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh NLQ1 đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo TVT với mức án từ 24 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng về tội "Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, do bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, không có tài sản riêng.

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh NLQ1 tại giai đoạn điều tra, truy tố đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về tài liệu, chứng cứ Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên thu thập; bị cáo cung cấp đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có

ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

[3] Bị hại anh BH1, anh BH2, anh BH3; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh NLQ1, anh NLQ2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Bị cáo và đại diện Viện kiểm sát không đề nghị hoãn phiên tòa về sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có lời khai tại giai đoạn điều tra và sự vắng mặt của họ tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về các tình tiết của vụ án:

[4] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo TVT đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung trên, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của bà D, Kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 03/03, 04/03 và 10/03/2023, TVT đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 02 chiếc điện thoại di động của các bị hại BH1, BH3; đồng thời lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động và số tiền 3.000.000 đồng trong tài khoản của bị hại BH2. Tổng giá trị tài sản đã trộm cắp là 42.330.000 *(bốn hai triệu ba trăm ba mươi nghìn)* đồng. Tại thời điểm thực hiện hành vi (ngày 03/03, 04/03 và 10/03/2023), bị cáo là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Như vậy hành vi của bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[6] Trong các ngày 03/03, 04/03 và ngày 10/03/2023, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 02 chiếc điện thoại di động của các bị hại BH1, BH3; đồng thời lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động và số tiền 3.000.000 đồng trong tài khoản của anh BH2, nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Phạm tội 02 lần trở lên*" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[7] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bi cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tự nguyện khắc phục hậu quả; có ông nội được tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì, bố đẻ là chiến sỹ xây dựng và bảo vệ quần đảo Trường sa, bản thân đã tham gia nghĩa vụ Công an nhân dân; người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ, trên cơ sở đề nghị của Kiểm sát viên và kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa; sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo nhân thân chưa có tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả, người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự và có nơi thường trú rõ ràng, nên không cần thiết bắt bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo khoản 1 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú cùng gia đình giám sát là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung:

[9] Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì *"người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*. Tuy nhiên do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự:

[10] Đối với chiệc điện thoại di động Iphone Pro màu đen của anh BH1 và chiệc điện thoại Iphone 11 Promax 256GB của anh BH3 đã được trả lại cho các bị hại. Anh BH2 yêu cầu bồi thường số tiền 17.000.000 đồng (do chiếc điện thoại Iphone 12 Promax bị hư hỏng) và số tiền 3.000.000 đồng TVT chiếm đoạt trong tài khoản ngân hàng của anh BH2, hiện TVT đã bồi thường xong các khoản tiền trên. TVT đã trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh NLQ1 số tiền 8.000.000 đồng. Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về biện pháp ngăn chặn:

[11] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 124 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tạm hoãn xuất cảnh đối với bị cáo TVT trong thời gian thử thách.

[12] Căn cứ điển d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo TVT.

- Về án phí:

[13] Bị cáo phải nộp 200.000 nghìn đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo đối với bản án:

[14] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

- Trong vụ án này:

[15] Đối với NLQ2 (bạn của TVT) không biết nguồn gốc số tiền 3.000.000 đồng là do TVT trộm cắp mà có nên không đủ căn cứ xem xét xử lý.

[16] Đối với anh NLQ1, chủ cửa hàng điện thoại Phúc Mobile đã mua lại 01 điện thoại Iphone 11 Promax 256 GB màu đen của TVT tuy nhiên tại thời điểm mua bán TVT đã xóa toàn bộ dữ liệu có trong điện thoại nên anh NLQ1 không biết đây là tài sản do TVT trộm cắp mà có. Do đó không đủ căn cứ để xem xét, xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: TVT 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng, kể từ ngày tuyên án về tội "Trộm cắp tài sản".

Giao bị cáo TVT cho Ủy ban nhân dân phường A, quận B, thành phố Hải Phòng nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, bị cáo TVT cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo TVT thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Về biện pháp ngăn chặn:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 124 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tạm hoãn xuất cảnh đối với bị cáo TVT trong thời gian thử thách.

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo TVT.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo TVT phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Bị cáo TVT được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại anh BH1, anh BH3 và anh BH2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh NLQ1, anh NLQ2 có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan điều tra Công an quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Cơ quan Thi hành án hình sự quận Hồng Bàng;
- PV 06 Công an thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Mười